

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: /BHXH-QLT

V/v thông báo số lượng thẻ BHYT
đăng ký KCB ban đầu năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2021

Kính gửi:

- Văn phòng, các phòng nghiệp vụ;
- Bảo hiểm xã hội các quận, huyện, thị xã.

Thực hiện hướng dẫn liên ngành số 14955/HD-YT-BHXH ngày 25/12/2020 của Liên ngành Sở Y tế Hà Nội và Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội về việc đăng ký khám bệnh, chữa bệnh (KCB) bảo hiểm y tế (BHYT) ban đầu trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021. Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội thông báo số lượng thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu tại các cơ sở KCB BHYT đến thời điểm 31/12/2020 theo phụ lục đính kèm.

Để đảm bảo việc đăng ký khám, chữa bệnh ban đầu cho các đối tượng theo đúng các quy định. Đề nghị Văn phòng, các phòng nghiệp vụ và Bảo hiểm xã hội các quận, huyện, thị xã hướng dẫn người tham gia BHYT, đơn vị sử dụng lao động đăng ký khám, chữa bệnh ban đầu vào các cơ sở khám, chữa bệnh BHYT theo đúng quy định tại hướng dẫn liên ngành số 14955/HD-YT-BHXH.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, kịp thời báo cáo Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c),
- Các PGĐ (để b/c);
- Lưu: VT, QLT.

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ THU

Chu Ngọc Mai

Danh sách cơ sở KCB ban đầu tại Hà Nội năm 2021

Danh sách khám chữa bệnh ban đầu tuyến thành phố, trung ương

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB BHYT	Địa chỉ	Theo Hướng dẫn Liên ngành số 14955/HD-YT-BHXH			Số thẻ còn được đăng ký	Số thẻ vượt quá
				Số thẻ tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2021	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	9	10
I	QUẬN HOÀNG MAI							
1	01-019	Viện Y học cổ truyền Quân đội	442 Kim Giang, Hoàng Mai	70.000	nhận đối tượng trên 6 tuổi đủ tiêu chuẩn tại CV 4389/BHXH-CST	1	8.342	
2	01-009	Bệnh viện Bru Điện (Bộ Bru Chính viễn thông)	Phố Trần Diên, Định Công, Hoàng Mai	60.100		1	3.370	
II	QUẬN ĐÔNG ĐA							
1	01-912	Bệnh viện Châm cứu Trung ương	49 Thái Thịnh, Đống Đa	27.300		1		Quá tải 156
2	01-004	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	192 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa	130.000		2	1.346	
3	01-061	Cơ sở 2 Bệnh viện đa khoa Nông nghiệp	16 Ngõ 183 Đặng Tiến Đông, Đống Đa	30.000		1	2.340	

4	01-925	Bệnh viện Lão khoa Trung ương	1a.Phương mai, Đống Đa, Hà Nội	5.000	Người cao tuổi mắc bệnh Parkinson, Alzheimer	1	3.222	
5	01-010	BV Giao thông vận tải trung ương	1194 Đường Láng, Đống Đa	59.500			2.183	
III	QUẬN BA ĐÌNH							
1	01-015	Bệnh viện Quân Y 354	120 Đốc Ngữ - Ba Đình	72.400	nhận đối tượng trên 15 tuổi đủ tiêu chuẩn tại CV 4389/BHXH-CST	1	3.086	
2	01-056	Bệnh viện đa khoa Hồ Nai (cơ sở 1)	17 - 34 Hoè nai, Ba đình	37.900		2	2.129	
3	01-072	Bệnh viện đa khoa Hồ Nai (cơ sở 2)	số 34 ngõ 53 Tân áp, Phúc Xá	4.000	nhận đối tượng trên 15 tuổi	2	843	
4	01-003	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	12 Chu Văn An, Ba Đình	225.500		1		Quá tải 153
IV	QUẬN CẦU GIẤY							
1	01-007	Bệnh viện E	89 Trần Cung, Nghĩa Tân, Cầu Giấy	130.000		1		Quá tải 138
2	01-043	Bệnh viện 198	Phố Trần Bình, Mai Dịch, Cầu Giấy	100.700	Nhận đối tượng trên 15 tuổi đủ tiêu chuẩn tại CV 4389/BHXH-CST	1	8.979	
3	01-028	Bệnh viện đa khoa YHCT Hà Nội	Số 6-8 Phạm Hùng, Mai Dịch	168.000		2	11.918	

V QUẬN HAI BÀ TRUNG								
1	01-014	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	Số 1 Trần Hưng Đạo, Hai Bà Trưng	119.600	Đối tượng đủ tiêu chuẩn tại CV 4389/BHXH-CST	đặc biệt		Quá tải 168
2	01-001	Bệnh viện Hữu Nghị	Số 1 Trần Khánh Dư, Hai Bà Trưng	50.000	nhận đối tượng có đủ tiêu chuẩn theo Hướng dẫn số 52HD/BTCTW ngày 02/12/2005 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng	1	2.365	
3	01-047	Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương	29 Nguyễn Bình Khiêm, Hai Bà Trưng	42.600		1	3.150	
4	01-006	Bệnh viện Thanh Nhàn	42 Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng	165.600		1	10.401	
5	01-065	Bệnh viện Dệt May	454 Minh Khai, Hai Bà Trưng	45.000	nhận đối tượng trên 6 tuổi	2	4.774	
6	01-161	Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec*	458 Minh Khai - Vĩnh Tuy - Hai Bà Trưng	45.000		2	5.387	
VI QUẬN HOÀN KIẾM								
1	01-005	Bệnh viện Việt Nam-Cu Ba	37 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm	100.800		2	7.688	
VII QUẬN THANH XUÂN								

1	01-018	Viện Y học Phòng không - không quân	225 Trường Chinh, Thanh Xuân	61.100	nhận đối tượng trên 15 tuổi đủ tiêu chuẩn tại CV 4389/BHXH-CST	2	4.143	
2	01-055	Bệnh viện Xây dựng	Nguyễn Quý Đức, Thanh Xuân	75.000		1	5.090	
3	01-087	Bệnh viện Than - Khoáng sản	Số 1 Phan Đình Giót, Phương Liệt, T.Xuân	10.000	nhận đối tượng trên 15 tuổi	2	2.167	
4	01-062	Bệnh viện YHCT Bộ Công An	Đường Lương Thế Vinh	81.900	nhận đối tượng trên 15 tuổi đủ tiêu chuẩn tại CV 4389/BHXH-CST	1	5.927	
VIII	QUẬN LONG BIÊN							
1	01-025	Bệnh viện đa khoa Đức Giang	Đức Giang, Long Biên	155.000		1		Quá tải 429
2	01-086	TTYT Hàng không	Sân bay Gia Lâm	10.800		2	741	
IX	QUẬN TÂY HỒ							
1	01-075	Bệnh viện Tim Hà Nội (cơ sở 2)	Ngõ 603 Lạc Long Quân	39.500		1	8.743	
2	01-139	Bệnh viện đa khoa Quốc tế Thu Cúc *	Số 286 Thụy Khuê, phường Bưởi	47.500		2	4.403	
X	QUẬN HÀ ĐÔNG							
1	01-016	Bệnh viện 103	261 Phùng Hưng, Hà Đông, Hà Nội	81.100	Đối tượng đủ tiêu chuẩn tại CV 4389/BHXH-CST	1	1.518	
2	01-816	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Bé Văn Đàn, Quang Trung, Hà Đông	125.600		1	2.699	

3	01-935	Bệnh viện YHCT Hà Đông	99 Nguyễn Viết Xuân	38.000		2	5.230	
4	01-060	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	số 2 Trần Phú	35.000		2	6.800	
XI	QUẬN BẮC TỪ LIÊM							
1	01-071	Bệnh viện Nam Thăng Long	Tân Xuân, Xuân Đình, Từ Liêm	41.000		2	3.310	
XII	QUẬN NAM TỪ LIÊM							
1	01-097	Bệnh viện Thể thao Việt Nam	Tân Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm	37.800	Nhận đối tượng trên 6 tuổi	2	3.635	
XIII	THỊ XÃ SƠN TÂY							
1	01-819	Bệnh viện 105	Phường Sơn Lộc, thị xã Sơn Tây	65.800	Nhận đối tượng trên 6 tuổi	1	3.279	
2	01-831	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	234 Lê Lợi, thị xã Sơn Tây	74.100		2		Quá tải 2114
XIV	HUYỆN ĐÔNG ANH							
1	01-031	Bệnh viện đa khoa Đông Anh	Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh	117.000		2	394	
2	01-077	Bệnh viện Bắc Thăng Long	Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh	90.000		2	10.448	
3	01-049	PKĐK cơ sở 2 BV Nam Thăng Long	Xã Hải Bôi	13.000		2	746	

4	01-939	Bệnh viện Nhiệt đới TW- CS 2	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	5.000	Nhận đối tượng trên 6 tuổi			
XV	HUYỆN SÓC SƠN							
1	01-032	Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn	Miêu Thờ, Tiên Dược, Sóc Sơn	100.000		2	31.084	
XVI	HUYỆN THANH TRÌ							
1	01-013	Bệnh viện đa khoa Nông nghiệp	Xã Ngọc Hồi - Thanh Trì	94.300		1		Quá tải 856
2	01-029	Bệnh viện đa khoa Thanh Trì	Thị trấn Văn Điển	65.000		2	6.851	
XVII	HUYỆN ỨNG HOÀ							
1	01-817	Bệnh viện đa khoa Vân Đình	Thị trấn Vân Đình, ứng Hoà	85.000		2	5.054	

Danh sách khám chữa bệnh ban đầu tuyến xã, huyện

STT	Mã KCB	Tên cơ sở KCB	Địa chỉ	Theo Hướng dẫn Liên ngành số 14955/HD-YT-BHXH			Tổng thể đã đăng ký đến 31/12/2020	Số thể còn được đăng ký	Số thể vượt quá
				Số thể tối đa hướng dẫn đăng ký năm 2021	Đối tượng tiếp nhận đăng ký KCB ban đầu	Hạng bệnh viện			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(5)-(8)	(10)=(8)-(5)
I	QUẬN ĐỒNG ĐA								
1	01-267	Bệnh viện đa khoa Bảo Sơn 2 (thuộc Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Bảo Sơn)*	52 Nguyễn Chí Thanh, Láng Hạ, Đống Đa	3.560		3	3.624		Qua tai 64
2	01-234	Bệnh viện đa khoa tư nhân Hà Thành*	61 Vũ Thạnh, Đống Đa	2.000		3	2.168		Qua tai 168

3	01-150	Công ty cổ phần Bệnh viện Đông Đô*	Số 5 phố Xã Đàn, Đống Đa	6.780		3	7.585		Qua tai 805
4	01-035	Bệnh viện đa khoa tư nhân Hồng Hà (Công ty CP kinh doanh và điều trị Y tế Đức Kiên)	16 Nguyễn Như Đồ, Văn Miếu Đống Đa	1.000		3	912	88	
5	01-020	Phòng khám đa khoa số 1 (TTYT quận Đống Đa)	107 Tôn Đức Thắng, Đống Đa	68.000		3	74.956		Qua tai 6956
6	01-021	Phòng khám đa khoa Kim Liên (PK3- TTYT quận Đống Đa)	B20A, Tập thể Kim Liên, Đống Đa	10.500		3	10.371	129	
7	01-064	Phòng khám đa khoa số 2 (TTYT quận Đống Đa)	Ngõ 122 Đường Láng, Đống Đa	9.200		3	10.159		Qua tai 959
8	01-042	Công ty TNHH KCB & tư vấn sức khỏe Ngọc Khánh*	140 phố Chùa Láng, Đống Đa	2.100		3	2.016	Tạm dừng theo Công văn 5410/BHXH-GĐBH YT2	

9	01-082	Bệnh viện đa khoa tư nhân Trảng An	59 ngõ Thông Phong, Tôn Đức Thắng, Đồng Đa	5.000	nhận đối tượng trên 15 tuổi	3	5.104		Qua tai 104
10	01-C51	TYT Phường Cát Linh (TTYT Đồng Đa)	Phường Cát Linh						
11	01-C53	TYT phường Quốc Tử Giám (TTYT Đồng Đa)	phường Quốc Tử Giám				1		
12	01-C54	TYT phường Láng Thượng (TTYT Đồng Đa)	phường Láng Thượng				11		
13	01-C55	TYT phường Ô Chợ Dừa (TTYT Đồng Đa)	phường Ô Chợ Dừa				2		
14	01-C56	TYT phường Văn Chương (TTYT Đồng Đa)	phường Văn Chương				2		
15	01-C58	TYT phường Láng Hạ (TTYT Đồng Đa)	phường Láng Hạ				14		

16	01-C59	TYT phường Khâm Thiên (TTYT Đống Đa)	phường Khâm Thiên				1		
17	01-C60	TYT Phường Thổ Quan (TTYT Đống Đa)	Phường Thổ Quan						
18	01-C61	TYT phường Nam Đồng (TTYT Đống Đa)	phường Nam Đồng				1		
19	01-C62	TYT phường Trung Phụng (TTYT Đống Đa)	phường Trung Phụng						
20	01-C63	TYT phường Quang Trung (TTYT Đống Đa)	phường Quang Trung						
21	01-C64	TYT phường Trung Liệt (TTYT Đống Đa)	phường Trung Liệt						
22	01-C65	TYT phường Phương Liên (TTYT Đống Đa)	phường Phương Liên				16		

23	01-C67	TYT phường Trung Tự (TTYT Đống Đa)	phường Trung Tự				19		
24	01-C68	TYT phường Kim Liên (TTYT Đống Đa)	phường Kim Liên				1		
25	01-C69	TYT phường Phương Mai (TTYT Đống Đa)	phường Phương Mai				11		
26	01-C71	TYT phường Khương Thượng (TTYT Đống Đa)	phường Khương Thượng				1		
II	QUẬN HOÀNG MAI								
1	01-030	PKĐK Lĩnh Nam (TTYT quận Hoàng Mai)	Phường Lĩnh Nam	62.000		3	64.869		Qua tai 2869
2	01-045	PKĐK Linh Đàm (TTYT quận Hoàng Mai)	Linh Đàm	64.000		3	70.088		Qua tai 6088
3	01-D51	TYT Phường Thanh Trì (TTYT Hoàng Mai)	Phường Thanh Trì			4	268		

4	01-D53	TYT Phường Định Công (TTYT Hoàng Mai)	Phường Định Công			4	701		
5	01-D62	TYT Phường Trần Phú (TTYT Hoàng Mai)	Phường Trần Phú			4	83		
III	QUẬN BA ĐÌNH								
1	01-191	Bệnh viện đa khoa MEDLATEC*	Số 42-44 Nghĩa Dũng, Phúc Xá	20.000		3	19.616	384	
2	01-933	Bệnh viện đa khoa Hồng Ngọc*	97 Nguyễn Trường Tộ	28.000		3	30.346		Qua tai 2346
3	01-059	PKĐK 50 Hàng Bún (TTYT quận Ba Đình)	50 Hàng Bún	23.000		3	25.542		Qua tai 2542
4	01-044	TTYT MT lao động công thương	99 Văn Cao	4.400	Nhận đổi tượng trên 15 tuổi	3	3.824	576	
IV	QUẬN CẦU GIẤY								

1	01-073	PKĐKKV Nghĩa Tân (TTYT quận Cầu Giấy)	117 A15 Nghĩa Tân	20.000		3	21.545		Qua tai 1545
2	01-078	PKĐKKV Yên Hoà (TTYT quận Cầu Giấy)	Tổ 49 P. Yên Hoà	47.000		3	63.512		Qua tai 16512
3	01-269	PKĐK Quốc tế Thu Cúc	216 Trần Duy Hưng, Trung Hòa	2.200		3	3.553		Qua tai 1353
4	01-C01	TYT Phường Nghĩa Đô (TTYT quận Cầu Giấy)	Phường Nghĩa Đô			4	1.230		
5	01-C02	TYT Phường Nghĩa Tân (TTYT quận Cầu Giấy)	Phường Nghĩa Tân			4	903		
6	01-C03	TYT Phường Mai Dịch (TTYT quận Cầu Giấy)	Phường Mai Dịch			4	2.606		
7	01-C04	TYT Phường Dịch Vọng (TTYT quận Cầu Giấy)	Phường Dịch Vọng			4	1.931		
8	01-C05	TYT Phường Quan Hoa (TTYT quận Cầu Giấy)	Phường Quan Hoa			4	1.492		

9	01-C06	TYT Phường Yên Hoà (TTYT quận Cầu Giấy)	Phường Yên Hoà			4	1.877		
10	01-C07	TYT Phường Trung Hoà (TTYT quận Cầu Giấy)	Phường Trung Hoà			4	4.380		
11	01-C08	TYT Phường Dịch Vọng Hậu (TTYT quận Cầu Giấy)	Phường Dịch Vọng Hậu			4	1.989		
V	QUẬN HAI BÀ TRUNG								
1	01-126	Bệnh viện đa khoa tư nhân Hà Nội*	29 Hàn Thuyên, Hai Bà Trung	3.000		3	7.159		Qua tai 4159
2	01-206	Bệnh viện đa khoa Hồng Phát*	219 Lê Duẩn, P. Nguyễn Du	3.000		3	7.904		Qua tai 4904
3	01-024	PKĐK 103 Bà Triệu (TTYT quận Hai Bà Trung)	103 Bà Triệu	21.000		3	19.823	1.177	
4	01-070	PKĐK Mai Hương (TTYT quận Hai Bà Trung)	A1 ngõ Mai Hương	32.000		3	34.188		Qua tai 2188

5	01-096	Công ty cổ phần Công nghệ y học Hồng Đức (PKĐK Việt Hàn *)	Số 9 Ngô Thi Nhậm	17.700		3	15.638	2.062	
6	01-224	PKĐK Dr Binh Tele-Clinic*	Số 11-13-15 Phố Trần Xuân Soạn - Phường Ngô Thi Nhậm	8.800		3	9.361		Qua tai 561
VI	QUẬN HOÀN KIẾM								
1	01-022	PKĐK 26 Lương Ngọc Quyên (TTYT quận Hoàn Kiếm)	26 Lương Ngọc Quyên	16.100		3	15.771	329	
2	01-057	PKĐK 21 Phan Chu Trinh (TTYT quận Hoàn Kiếm)	21 Phan Chu Trinh	22.000		3	22.615		Qua tai 615
3	01-076	Phòng khám Bác sĩ gia đình	50 C Hàng Bài	6.000		3	5.560	440	
4	01-081	Trung tâm cấp cứu 115 (PK 11 Phan Chu Trinh)	11 Phan Chu Trinh	26.500		3	27.922		Qua tai 1422

VII	QUẬN THANH XUÂN								
1	01-235	Bệnh viện đa khoa An Việt*	Số 1E Trường Chinh, Phường Liệt, T. Xuân	6.500		3	5.233	1.267	
2	01-074	Phòng khám TTYT Quận Thanh Xuân	Ngõ 282 Khương Đình	47.100		3	52.021		Qua tai 4921
3	01-361	Phòng khám 182 Lương Thế Vinh (Thuộc BV Đại học Quốc Gia)	182 Lương Thế Vinh, Thanh Xuân	37.500		3	50.984		Qua tai 13484
4	01-E01	TYT phường Nhân Chính (TTYT Thanh Xuân)	TYT phường Nhân Chính				12		
5	01-E02	TYT phường Thượng Đình (TTYT Thanh Xuân)	TYT phường Thượng Đình				4		
6	01-E03	TYT P.Khương Trung (TTYT Thanh Xuân)	TYT P.Khương Trung				11		

7	01-E04	TYT phường Khương Mai (TTYT Thanh Xuân)	TYT phường Khương Mai				1		
8	01-E05	TYT P.Thanh Xuân Trung (TTYT Thanh Xuân)	TYT P.Thanh Xuân Trung				10		
9	01-E06	TYT phường Phương Liệt (TTYT Thanh Xuân)	TYT phường Phương Liệt				4		
10	01-E07	TYT phường Hạ Đình (TTYT Thanh Xuân)	TYT phường Hạ Đình						
11	01-E08	TYT phường Khương Đình (TTYT Thanh Xuân)	TYT phường Khương Đình				5		
12	01-E09	TYT P.Thanh Xuân Bắc (TTYT Thanh Xuân)	TYT P.Thanh Xuân Bắc				3		
13	01-E10	TYT P.Thanh Xuân Nam (TTYT Thanh Xuân)	TYT P.Thanh Xuân Nam				5		

14	01-E11	TYT phường Kim Giang (TTYT Thanh Xuân)	TYT phường Kim Giang				3		
VIII	QUẬN LONG BIÊN								
1	01-249	Bệnh viện ĐK Quốc tế Bắc Hà *	137 Nguyễn Văn Cừ, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội	3.000		3	2.518	482	
2	01-250	Bệnh viện đa khoa Tâm Anh *	108 Hoàng Như Tiếp, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	5.500		3	5.498	2	
3	01-054	PKĐK GTVT Gia Lâm	481 Ngọc Lâm	17.600	Nhận đối tượng trên 6 tuổi	3	17.591	9	
4	01-067	PKĐK Sài Đồng (TTYT q.Long Biên)	Thị trấn Sài Đồng	12.000		3	10.520	1.480	
5	01-092	PKĐK trung tâm (TTYT q.Long Biên)	20 Quân Chính - P. Ngọc Lâm	29.000		3	29.593		Qua tai 593

6	01-218	PKĐK Bò Đê (TTYT q.Long Biên)	Số 99 - Phố Bò Đê	3.000		3	3.189		Qua tai 189
7	01-B51	TYT phường Thượng Thanh (TTYT q.Long Biên)	Tổ 10 Phường Thượng Thanh			4	558		
8	01-B52	TYT phường Ngọc Thụy (TTYT q.Long Biên)	Tổ 17 Phường Ngọc Thụy			4	726		
9	01-B53	TYT phường Giang Biên (TTYT q.Long Biên)	Tổ 5 Phường Giang Biên			4	470		
10	01-B54	TYT phường Đức Giang (TTYT q.Long Biên)	Phố Trường Lâm, Phường Đức Giang			4	1.813		
11	01-B55	TYT phường Việt Hưng (TTYTq. Long Biên)	Số 83/39 Phố Hoa Lâm, Phường Việt Hưng			4	662		
12	01-B56	TYT phường Gia Thụy (TTYT q. Long Biên)	Ngõ 562 Phố Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy			4	301		

13	01-B57	TYT phường Ngọc Lâm (TTYT q.Long Biên)	Số 20/298 Phố Ngọc Lâm			4	589		
14	01-B58	TYT phường Phúc Lợi (TTYT q.Long Biên)	Tổ 9 Phường Phúc Lợi			4	505		
15	01-B59	TYT phường Bồ Đề (TTYT q.Long Biên)	Phường Bồ Đề			4	803		
16	01-B60	TYT phường Sài Đồng (TTYT q.Long Biên)	Số 2/557 Nguyễn Văn Linh, Phường Sài Đồng			4	663		
17	01-B61	TYT phường Long Biên (TTYT q.Long Biên)	Tổ 13 Phường Long Biên			4	952		
18	01-B62	TYT phường Thạch Bàn (TTYT q. Long Biên)	Phường Thạch Bàn			4	1.030		
19	01-B63	TYT phường Phúc Đông (TTYT q. Long Biên)	Số 159 Phố Tân Thụy, Phường Phúc Đông			4	505		

20	01-B64	TYT phường Cự Khối (TTYT q. Long Biên)	Tổ 9 Phường Cự Khối			4	244		
IX	QUẬN TÂY HỒ								
1	01-023	PKĐK 124 Hoàng Hoa Thám	124 Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ	6.200		3	6.278		Qua tai 78
2	01-066	PK 695 Lạc Long Quân	695 Lạc Long Quân	11.000		3	11.444		Qua tai 444
3	01-B01	TYT Phường Phú Thượng (TTYT quận Tây Hồ)	Phường Phú Thượng			4	575		
4	01-B02	TYT Phường Nhật Tân (TTYT quận Tây Hồ)	Phường Nhật Tân			4	242		
5	01-B03	TYT Phường Tứ Liên (TTYT quận Tây Hồ)	Phường Tứ Liên			4	278		
6	01-B04	TYT Phường Quảng An (TTYT quận Tây Hồ)	Phường Quảng An			4	220		
7	01-B05	TYT Phường Xuân La (TTYT quận Tây Hồ)	Phường Xuân La			4	752		

8	01-B06	TYT Phường Yên Phụ (TTYT quận Tây Hồ)	Phường Yên Phụ			4	333		
9	01-B07	TYT Phường Bưởi (TTYT quận Tây Hồ)	Phường Bưởi			4	352		
10	01-B08	TYT Phường Thụy Khuê (TTYT quận Tây Hồ)	Phường Thụy Khuê			4	368		
11	01-265	Phòng khám đa khoa Medlatec Tây Hồ	99 P. Trích Sài, Bưởi	1.000		3	1.015		Qua tai 15
X	QUẬN HÀ ĐÔNG								
1	01-041	Bệnh viện ĐK tư nhân 16A Hà Đông (Công ty TNHH 1TV 16A)*	Lô đất 150 khu dân dân Yên Phúc, Phúc La, Hà Đông	11.000		3	12.366		Qua tai 1366
2	01-094	Bệnh viện đa khoa tư nhân Thiên Đức (Công ty TNHH một thành viên Bệnh viện Thiên Đức)*	207 Phùng Hưng	3.500		3	3.432	68	

3	01-832	PKĐKKV Trung Tâm (TTYT quận Hà Đông)	57 Tô Hiệu	65.000		3	76.281		Qua tai 11281
4	01-079	PKĐKKV Phú Lương (TTYT quận Hà Đông)	Phường Phú Lương	3.000		3	1.680	1.320	
5	01-H09	TYT Xã Yên Nghĩa (TTYT q. Hà Đông)	Xã Yên Nghĩa			4	611		
6	01-H11	TYT Xã Phú Lãm (TTYT q. Hà Đông)	Xã Phú Lãm			4	266		
7	01-H12	TYT Xã Phú Lương (TTYT q. Hà Đông)	Xã Phú Lương			4	167		
8	01-H13	TYT Xã Dương Nội (TTYT q. Hà Đông)	Xã Dương Nội			4	519		
XI	QUẬN NAM TỪ LIÊM								
1	01-091	PKĐK Cầu Diễn (TTYT quận Nam Từ Liêm)	Phường Cầu Diễn	37.500		3	43.298		Qua tai 5798

2	01-208	PKĐK trực thuộc Công ty cổ phần Trung tâm Bác sỹ gia đình Hà Nội*	Số 75 đường Hồ Mễ Trì, P. Trung Văn	3.000		3	4.590		Qua tai 1590
3	01-G13	TYT Phường Tây Mỗ (TTYT quận Nam Từ Liêm)	Phường Tây Mỗ			4	2.837		
4	01-G14	TYT Phường Mễ Trì (TTYT quận Nam Từ Liêm)	Phường Mễ Trì			4	2.851		
5	01-G15	TYT Phường Đại Mỗ (TTYT quận Nam Từ Liêm)	Phường Đại Mỗ			4	2.052		
6	01-231	TYT Phường Phương Canh	Phường Phương Canh			4	300		
7	01-232	TYT Phường Mỹ Đình 2	Phường Mỹ Đình 2			4	1.210		
8	01-G12	TYT Phường Mỹ Đình 1 (TTYT quận Nam Từ Liêm)	Tổ 13 Nhân Mỹ, Phường Mỹ Đình			4	1.150		

9	01-G16	TYT phường Trung Văn (TTYT quận Nam Từ Liêm)	Phường Trung Văn			4	774		
10	01-G11	TYT Phường Xuân Phương (TTYT quận Nam Từ Liêm)	Phó Thị Cẩm, Phường Xuân Phương			4	331		
11	01-G01	TYT Phường Cầu Diễn (TTYT quận Nam Từ Liêm)					308		
12	01-222	TYT Phường Phú Đô (TTYT quận Nam Từ Liêm)					375		
XII	QUẬN BẮC TỪ LIÊM								
1	01-258	Bệnh viện đa khoa Phương Đông*	Số 9 Phố Viên, Cổ Nhuế	12.000		3	15.512		Qua tai 3512
2	01-083	PKĐK khu vực Chèm (TTYT quận Bắc Từ Liêm)	Phường Thụy Phương	20.000		3	13.591	6.409	

3	01-251	PKĐK Trường Đại học Y Tế công cộng	1A đường Đức Thắng, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm	25.000		3	25.848		Qua tai 848
4	01-G02	TYT Phường Thượng Cát (TTYT quận Bắc Từ Liêm)	Phường Thượng Cát			4	696		
5	01-G03	TYT Phường Liên Mạc (TTYT quận Bắc Từ Liêm)	Phường Liên Mạc			4	185		
6	01-G04	TYT Phường Đông Ngạc (TTYT quận Bắc Từ Liêm)	Phường Đông Ngạc			4	876		
7	01-G05	TYT Phường Thụy Phương (TTYT quận Bắc Từ Liêm)	Phường Thụy Phương			4	100		

8	01-G06	TYT Phường Tây Tựu (TTYT quận Bắc Từ Liêm)	Phường Tây Tựu			4	467		
9	01-G07	TYT Phường Xuân Đỉnh (TTYT quận Bắc Từ Liêm)	Phường Xuân Đỉnh			4	3.023		
10	01-G08	TYT Phường Minh Khai (TTYT quận Bắc Từ Liêm)	Phường Minh Khai			4	1.721		
11	01-G09	TYT Phường Cổ Nhuế 1	Phường Cổ Nhuế 1			4	431		
12	01-G10	TYT Phường Phú Diễn	Phường Phú Diễn			4	294		
13	01-229	TYT Phường Cổ Nhuế 2	Phường Cổ Nhuế			4	1.461		
14	01-230	TYT Phường Phúc Diễn	Phường Phúc Diễn			4	306		
15	01-G17	TYT phường Xuân Tảo	Phường Xuân Tảo			4	19		
16	01-G18	TYT phường Đức Thắng	Phường Đức Thắng			4	12		
XIII	THỊ XÃ SƠN TÂY								

1	01-242	PKĐK Lê Lợi (TTYT Thị xã Sơn Tây)	Số 1 Lê Lợi	5.000		3	2.622	2.378	
2	01-H56	TYT Phường Xuân Khanh (TTYT TX Sơn Tây)	Phường Xuân Khanh			4	164		
3	01-H57	TYT Xã Đường Lâm (TTYT TX Sơn Tây)	Xã Đường Lâm			4	337		
4	01-H58	TYT Xã Viên Sơn (TTYT TX Sơn Tây)	Xã Viên Sơn			4	156		
5	01-H59	TYT Xã Xuân Sơn (TTYT TX Sơn Tây)	Xã Xuân Sơn			4	148		
6	01-H61	TYT Xã Thanh Mỹ (TTYT TX Sơn Tây)	Xã Thanh Mỹ			4	194		
7	01-H63	TYT Xã Kim Sơn (TTYT TX Sơn Tây)	Xã Kim Sơn			4	115		
8	01-H64	TYT Xã Sơn Đông (TTYT TX Sơn Tây)	Xã Sơn Đông			4	207		
9	01-H65	TYT Xã Cổ Đông (TTYT TX Sơn Tây)	Xã Cổ Đông			4	626		

XIV	HUYỆN ĐÔNG ANH								
1	01-084	PKĐK Miền Đông (TTYT huyện Đông Anh)	Xã Liên Hà	10.000		3	7.249	2.751	
2	01-085	PKĐK Khu Vực I (TTYT huyện Đông Anh)	Xã Kim Chung	5.000		3	4.566	434	
3	01-233	PKĐK thuộc Cty TNHH Hoàng Ngân*	Kim Nỗ	500		3	313	187	
4	01-146	PKĐK Nam Hồng*	Số 4 Khu Cầu Lớn, Nam Hồng	2.600		3	2.647		Qua tai 47
5	01-F01	TYT thị trấn Đông Anh (TTYT h.Đông Anh)	Thị trấn Đông Anh			4	3.340		
6	01-F02	TYT xã Xuân Nộn (TTYT h.Đông Anh)	Xã Xuân Nộn			4	3.531		
7	01-F03	TYT xã Thụy Lâm (TTYT h.Đông Anh)	Xã Thụy Lâm			4	5.079		
8	01-F04	TYT xã Bắc Hồng (TTYT h.Đông Anh)	Xã Bắc Hồng			4	4.780		

9	01-F05	TYT xã Nguyên Khê (TTYT h.Đông Anh)	Xã Nguyên Khê			4	5.008		
10	01-F06	TYT xã Nam Hồng (TTYT h.Đông Anh)	Xã Nam Hồng			4	4.704		
11	01-F07	TYT xã Tiên Dương (TTYT h.Đông Anh)	Xã Tiên Dương			4	5.604		
12	01-F08	TYT xã Vân Hà (TTYT h.Đông Anh)	Xã Vân Hà			4	3.298		
13	01-F09	TYT xã Uy Nỗ (TTYT h.Đông Anh)	Xã Uy Nỗ			4	3.311		
14	01-F10	TYT xã Vân Nội (TTYT h.Đông Anh)	Xã Vân Nội			4	5.555		
15	01-F11	TYT xã Liên Hà (TTYTh.Đông Anh)	Xã Liên Hà			4	1.446		
16	01-F12	TYT xã Việt Hùng (TTYTh.Đông Anh)	Xã Việt Hùng			4	3.425		
17	01-F13	TYT xã Kim Nỗ (TTYT h.Đông Anh)	Xã Kim Nỗ			4	9.045		

18	01-F14	TYT xã Kim Chung (TTYT h.Đông Anh)	Xã Kim Chung			4	15.782		
19	01-F15	TYT xã Dục Tú (TTYT h.Đông Anh)	Xã Dục Tú			4	4.062		
20	01-F16	TYT xã Đại Mạch (TTYT h.Đông Anh)	Xã Đại Mạch			4	9.685		
21	01-F17	TYT xã Vĩnh Ngọc (TTYT h.Đông Anh)	Xã Vĩnh Ngọc			4	4.570		
22	01-F18	TYT xã Cổ Loa (TTYT h.Đông Anh)	Xã Cổ Loa			4	5.285		
23	01-F19	TYT xã Hải Bôi (TTYT h.Đông Anh)	Xã Hải Bôi			4	6.658		
24	01-F20	TYT xã Xuân Canh (TTYT h.Đông Anh)	Xã Xuân Canh			4	3.612		
25	01-F21	TYT xã Võng La (TTYT h.Đông Anh)	Xã Võng La			4	6.879		
26	01-F22	TYT xã Tâm Xá (TTYT h.Đông Anh)	Xã Tâm Xá			4	1.844		
27	01-F23	TYT xã Mai Lâm (TTYT h.Đông Anh)	Xã Mai Lâm			4	3.970		

28	01-F24	TYT xã Đông Hội (TTYT h.Đông Anh)	Xã Đông Hội			4	4.022		
XV	HUYỆN SÓC SƠN								
1	01-033	PKĐK Trung Giã (TTYT huyện Sóc Sơn)	Xã Trung Giã	6.000		3	6.040		Qua tai 40
2	01-034	PKĐK Kim Anh (TTYT huyện Sóc Sơn)	Xã Thanh Xuân	12.100		3	12.186		Qua tai 86
3	01-107	PKĐK Minh Phú (TTYT huyện Sóc Sơn)	Xã Minh Phú	12.000		3	11.188	812	
4	01-171	PKĐK Xuân Giang (TTYT huyện Sóc Sơn)	Xã Xuân Giang	8.000		3	8.184		Qua tai 184
5	01-256	Phòng khám đa khoa khu vực Hồng Kỳ (TTYT huyện Sóc Sơn)	Xã Hồng Kỳ	1.100		3	1.164		Qua tai 64
6	01-E51	TYT Thị trấn Sóc Sơn (TTYT H.Sóc Sơn)	Thị trấn Sóc Sơn			4	1.216		

7	01-E52	TYT xã Bắc Sơn (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Bắc Sơn			4	13.052		
8	01-E53	TYT xã Minh Trí (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Minh Trí			4	9.911		
9	01-E54	TYT xã Hồng Kỳ (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Hồng Kỳ			4	8.196		
10	01-E55	TYT xã Nam Sơn (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Nam Sơn			4	6.838		
11	01-E56	TYT xã Trung Giã (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Trung Giã			4	6.073		
12	01-E57	TYT xã Tân Hưng (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Tân Hưng			4	6.585		
13	01-E58	TYT xã Minh Phú (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Minh Phú			4	3.092		
14	01-E59	TYT xã Phù Linh (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Phù Linh			4	7.109		
15	01-E60	TYT xã Bắc Phú (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Bắc Phú			4	6.822		

16	01-E61	TYT xã Tân Minh (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Tân Minh			4	5.833		
17	01-E62	TYT xã Quang Tiến (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Quang Tiến			4	7.155		
18	01-E63	TYT xã Hiền Ninh (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Hiền Ninh			4	7.406		
19	01-E64	TYT xã Tân Dân (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Tân Dân			4	10.865		
20	01-E65	TYT xã Tiên Dược (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Tiên Dược			4	5.024		
21	01-E66	TYT xã Việt Long (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Việt Long			4	4.071		
22	01-E67	TYT xã Xuân Giang (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Xuân Giang			4	3.400		
23	01-E68	TYT xã Mai Đình (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Mai Đình			4	9.419		
24	01-E69	TYT xã Đức Hòa (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Đức Hòa			4	3.466		

25	01-E70	TYT xã Thanh Xuân (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Thanh Xuân			4	4.166		
26	01-E71	TYT xã Đông Xuân (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Đông Xuân			4	5.461		
27	01-E72	TYT xã Kim Lũ (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Kim Lũ			4	4.381		
28	01-E73	TYT xã Phú Cường (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Phú Cường			4	9.440		
29	01-E74	TYT xã Phú Minh (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Phú Minh			4	6.613		
30	01-E75	TYT xã Phù Lỗ (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Phù Lỗ			4	5.166		
31	01-E76	TYT xã Xuân Thu (TTYT h. Sóc Sơn)	Xã Xuân Thu			4	3.961		
XVI	HUYỆN THANH TRÌ								
1	01-095	Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa Thăng Long*	127 Quốc Bảo, xã Tam Hiệp, Thanh trì	25.000	nhận đổi trọng trên 6 tuổi	3	21.531	3.469	

2	01-012	PKĐKKV Đông Mỹ (TTYT huyện Thanh Trì)	Thôn 1B, xã Đông Mỹ	10.000		3	7.434	2.566	
3	01-G51	TYT Thị trấn Văn Điển (TTYT H.Thanh Trì)	Thị trấn Văn Điển			4	1.443		
4	01-G52	TYT Xã Tân Triều (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Tân Triều			4	4.986		
5	01-G53	TYT Xã Thanh Liệt (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Thanh Liệt			4	3.412		
6	01-G54	TYT Xã Tả Thanh Oai (TTYT H.Thanh Trì)	Xã Tả Thanh Oai			4	2.448		
7	01-G55	TYT Xã Hữu Hoà (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Hữu Hoà			4	817		
8	01-G56	TYT Xã Tam Hiệp (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Tam Hiệp			4	1.876		

9	01-G57	TYT Xã Tứ Hiệp (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Tứ Hiệp			4	970		
10	01-G58	TYT Xã Yên Mỹ (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Yên Mỹ			4	319		
11	01-G59	TYT Xã Vĩnh Quỳnh (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Vĩnh Quỳnh			4	1.398		
12	01-G60	TYT Xã Ngũ Hiệp (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Ngũ Hiệp			4	1.586		
13	01-G61	TYT Xã Duyên Hà (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Duyên Hà			4	662		
14	01-G62	TYT Xã Ngọc Hồi (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Ngọc Hồi			4	671		
15	01-G63	TYT Xã Vạn Phúc (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Vạn Phúc			4	545		

16	01-G64	TYT Xã Đại áng (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Đại áng			4	643		
17	01-G65	TYT Xã Liên Ninh (TTYT Huyện Thanh Trì)	Xã Liên Ninh			4	1.158		
XVII	HUYỆN GIA LÂM								
1	01-160	BVĐK huyện Gia Lâm	Thị trấn Trâu Quỳ	70.000		2	70.913		Qua tai 913
2	01-026	PKĐK Yên Viên (TTYT huyện Gia Lâm)	Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên	40.000		3	38.482	1.518	
3	01-027	PKĐK Trâu Quỳ (TTYT huyện Gia Lâm)	1 Ngõ Xuân Quảng - Trâu Quỳ	29.000		3	27.310	1.690	
4	01-093	PKĐK Đa Tốn (TTYT huyện Gia Lâm)	Thuận Tốn - Đa Tốn	26.500		3	26.219	281	
5	01-F52	Trạm y tế xã Yên Thường (TTYT Huyện Gia Lâm)	xã Yên Thường				2		

6	01-F53	Trạm y tế Xã Yên Viên (TTYT Gia Lâm)	Xã Yên Viên				3		
7	01-F58	Trạm y tế xã Trung Mậu (TTYT Huyện Gia Lâm)	xã Trung Mậu						
8	01-F59	Trạm y tế xã Lệ Chi	xã Lệ Chi				1		
9	01-F62	Trạm y tế xã Phú Thị (TTYT Huyện Gia Lâm)	xã Phú Thị						
10	01-F63	Trạm y tế xã Kim Sơn (TTYT Huyện Gia Lâm)	xã Kim Sơn				1		
11	01-F66	Trạm y tế xã Dương Xá (TTYT Huyện Gia Lâm)	xã Dương Xá				1		
12	01-F67	Trạm y tế xã Đông Dư (TTYT Huyện Gia Lâm)	xã Đông Dư						
13	01-F70	Trạm y tế Xã Bát Tràng (TTYT Gia Lâm)	Xã Bát Tràng						

14	01-F71	Trạm y tế Xã Kim Lan (TTYT Gia Lâm)	Xã Kim Lan						
15	01-F72	Trạm y tế xã Văn Đức (TTYT Gia Lâm)	xã Văn Đức						
XVIII	HUYỆN CHƯƠNG MỸ								
1	01-823	BVĐK huyện Chương Mỹ	120 Hoà Sơn, Thị trấn Chúc Sơn	110.000		2	108.148	1.852	
2	01-100	PKĐKKV Xuân Mai (TTYT huyện Chương Mỹ)	Thị trấn Xuân Mai	5.000		3	4.945	55	
3	01-135	PKĐKKV Lương Mỹ (TTYT huyện Chương Mỹ)	Hoàng Văn Thụ	5.000		3	3.477	1.523	
4	01-968	PKĐK trực thuộc Công ty cổ phần Trung Anh*	Thị trấn Xuân Mai	3.000		3	1.828	1.172	
5	01-L01	TYT Thị trấn Chúc Sơn (TTYT h.Chương Mỹ)	Thị trấn Chúc Sơn			4	1.486		

6	01-L02	TYT Thị trấn Xuân Mai	Thị trấn Xuân Mai			4	1.711		
7	01-L03	TYT Xã Phụng Châu (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Phụng Châu			4	3.808		
8	01-L04	TYT Xã Tiên Phương (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Tiên Phương			4	3.787		
9	01-L05	TYT Xã Đông Sơn (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Đông Sơn			4	3.150		
10	01-L06	TYT Xã Đông Phương Yên (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Đông Phương Yên			4	3.295		
11	01-L07	TYT Xã Phú Nghĩa (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Phú Nghĩa			4	2.328		
12	01-L08	TYT Xã Trường Yên (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Trường Yên			4	5.168		
13	01-L09	TYT Xã Ngọc Hòa (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Ngọc Hòa			4	3.271		

14	01-L10	TYT Xã Thủy Xuân Tiên (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Thủy Xuân Tiên			4	5.150		
15	01-L11	TYT Xã Thanh Bình (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Thanh Bình			4	2.740		
16	01-L12	TYT Xã Trung Hòa (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Trung Hòa			4	4.902		
17	01-L13	TYT Xã Đại Yên (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Đại Yên			4	1.496		
18	01-L14	TYT Xã Thụy Hương (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Thụy Hương			4	2.595		
19	01-L15	TYT Xã Tốt Động (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Tốt Động			4	6.330		
20	01-L16	TYT Xã Lam Điền (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Lam Điền			4	5.779		

21	01-L17	TYT Xã Tân Tiến (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Tân Tiến			4	4.362		
22	01-L18	TYT Xã Nam Phương Tiền (TTYT Chương Mỹ)	Xã Nam Phương Tiến			4	5.105		
23	01-L19	TYT Xã Hợp Đồng (TTYT h.Chương Mỹ)	Xã Hợp Đồng			4	2.836		
24	01-L20	TYT Xã Hoàng Văn Thụ (TTYT h Chương Mỹ)	Xã Hoàng Văn Thụ			4	4.063		
25	01-L21	TYT Xã Hoàng Diệu (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Hoàng Diệu			4	3.740		
26	01-L22	TYT Xã Hữu Văn (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Hữu Văn			4	5.742		
27	01-L23	TYT Xã Quảng Bị (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Quảng Bị			4	4.074		
28	01-L24	TYT Xã Mỹ Lương (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Mỹ Lương			4	4.538		

29	01-L25	TYT Xã Thượng Vực (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Thượng Vực			4	3.533		
30	01-L26	TYT Xã Hồng Phong (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Hồng Phong			4	2.422		
31	01-L27	TYT Xã Đồng Phú (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Đồng Phú			4	4.106		
32	01-L28	TYT Xã Trần Phú (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Trần Phú			4	5.555		
33	01-L29	TYT Xã Văn Võ (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Văn Võ			4	4.920		
34	01-L30	TYT Xã Đồng Lạc (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Đồng Lạc			4	2.962		
35	01-L31	TYT Xã Hòa Chính (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Hòa Chính			4	4.164		
36	01-L32	TYT Xã Phú Nam An (TTYT h. Chương Mỹ)	Xã Phú Nam An			4	2.933		
XIX	HUYỆN THƯỜNG TÍN								

1	01-830	BVĐK huyện Thường Tín	Thị trấn Thường Tín	135.000		2	135.022		Qua tai 22
2	01-017	PKĐK khu vực Tô Hiệu (TTYT huyện Thường Tín)	Xã Tô Hiệu	5.000		3	3.172	1.828	
3	01-M01	TYT Thị trấn Thường Tín (TTYT h. Thường Tín)	Thị trấn Thường Tín			4	461		
4	01-M02	TYT Xã Ninh Sở (TTYT h. Thường Tín)	Xã Ninh Sở			4	733		
5	01-M03	TYT Xã Nhị Khê (TTYT h. Thường Tín)	Xã Nhị Khê			4	70		
6	01-M04	TYT Xã Duyên Thái (TTYT h. Thường Tín)	Xã Duyên Thái			4	143		
7	01-M05	TYT Xã Khánh Hà (TTYT h. Thường Tín)	Xã Khánh Hà			4	406		
8	01-M06	TYT Xã Hòa Bình (TTYT h. Thường Tín)	Xã Hòa Bình			4	599		

9	01-M07	TYT Xã Văn Bình (TTYT h. Thường Tín)	Xã Văn Bình			4	398		
10	01-M08	TYT Xã Hiền Giang (TTYT h. Thường Tín)	Xã Hiền Giang			4	463		
11	01-M09	TYT Xã Hồng Vân (TTYT h. Thường Tín)	Xã Hồng Vân			4	205		
12	01-M10	TYT Xã Vân Tảo (TTYT h. Thường Tín)	Xã Vân Tảo			4	996		
13	01-M11	TYT Xã Liên Phương (TTYT h. Thường Tín)	Xã Liên Phương			4	353		
14	01-M12	TYT Xã Văn Phú (TTYT h. Thường Tín)	Xã Văn Phú			4	870		
15	01-M13	TYT Xã Tự Nhiên (TTYT h. Thường Tín)	Xã Tự Nhiên			4	840		
16	01-M14	TYT Xã Tiên Phong (TTYT h. Thường Tín)	Xã Tiên Phong			4	949		

17	01-M15	TYT Xã Hà Hồi (TTYT h. Thường Tín)	Xã Hà Hồi			4	870		
18	01-M16	TYT Xã Thư Phú (TTYT h. Thường Tín)	Xã Thư Phú			4	782		
19	01-M17	TYT Xã Nguyễn Trãi (TTYT h. Thường Tín)	Xã Nguyễn Trãi			4	987		
20	01-M18	TYT Xã Quất Động (TTYT h. Thường Tín)	Xã Quất Động			4	218		
21	01-M19	TYT Xã Chương Dương (TTYT h. Thường Tín)	Xã Chương Dương			4	698		
22	01-M20	TYT Xã Tân Minh (TTYT h. Thường Tín)	Xã Tân Minh			4	894		
23	01-M21	TYT Xã Lê Lợi (TTYT h. Thường Tín)	Xã Lê Lợi			4	856		
24	01-M22	TYT Xã Thắng Lợi (TTYT h. Thường Tín)	Xã Thắng Lợi			4	904		

25	01-M23	TYT Xã Dũng Tiến (TTYT h. Thường Tín)	Xã Dũng Tiến			4	815		
26	01-M24	TYT Xã Thống Nhất (TTYT h. Thường Tín)	Xã Thống Nhất			4	194		
27	01-M25	TYT Xã Nghiêm Xuyên (TTYT Thường Tín)	Xã Nghiêm Xuyên			4	433		
28	01-M26	TYT Xã Tô Hiệu (TTYT h. Thường Tín)	Xã Tô Hiệu			4	1.351		
29	01-M27	TYT Xã Văn Tự (TTYT h. Thường Tín)	Xã Văn Tự			4	856		
30	01-M28	TYT Xã Vạn Điểm (TTYT h. Thường Tín)	Xã Vạn Điểm			4	663		
31	01-M29	TYT Xã Minh Cường (TTYT h. Thường Tín)	Xã Minh Cường			4	945		
XX	HUYỆN MÊ LINH								
1	01-099	BVĐK huyện Mê Linh	Xã Đại Thịnh	96.000		2	94.444	1.556	

2	01-971	Khoa khám bệnh cơ sở 2 - BV Giao thông vận tải Vĩnh Phúc	Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, HN	9.200		3	9.438		Qua tai 238
3	01-195	PKĐK Đại Thịnh	Xã Đại Thịnh	5.000		3	2.019	2.981	
4	01-088	PKĐK Thạch Đà (TTYT huyện Mê Linh)	Xã Thạch Đà	10.000		3	6.428	3.572	
5	01-P02	TYT xã Kim Hoa (TTYT h. Mê Linh)	Xã Kim Hoa			4	6.787		
6	01-P05	TYT xã Tự Lập (TTYT h. Mê Linh)	Xã Tự Lập			4	6.759		
7	01-P06	TYT Thị trấn Quang Minh (TTYT h. Mê Linh)	Thị trấn Quang Minh			4	8.375		
8	01-P08	TYT xã Tam Đồng (TTYT h. Mê Linh)	Xã Tam Đồng			4	3.154		
9	01-P10	TYT xã Vạn Yên (TTYT h. Mê Linh)	Xã Vạn Yên			4	2.229		

10	01-P11	TYT xã Chu Phan (TTYT h. Mê Linh)	Xã Chu Phan			4	4.472		
11	01-P12	TYT xã Tiên Thịnh (TTYT h. Mê Linh)	Xã Tiên Thịnh			4	7.479		
12	01-P13	TYT xã Mê Linh (TTYT h. Mê Linh)	Xã Mê Linh			4	3.893		
13	01-P14	TYT xã Văn Khê (TTYT h. Mê Linh)	Xã Văn Khê			4	11.277		
14	01-P15	TYT xã Hoàng Kim (TTYT h. Mê Linh)	Xã Hoàng Kim			4	3.368		
15	01-P16	TYT xã Tiên Phong (TTYT h. Mê Linh)	Xã Tiên Phong			4	12.831		
16	01-P17	TYT xã Tráng Việt (TTYT h. Mê Linh)	Xã Tráng Việt			4	5.200		
17	01-P18	TYT Thị trấn Chi Đông (TTYT h. Mê Linh)	Thị trấn Chi Đông			4	7.759		
18	01-P01	TYT xã Đại Thịnh (TTYT huyện Mê Linh)	Xã Đại Thịnh			4	27		

19	01-P03	TYT xã Thạch Đà (TTYT huyện Mê Linh)	Xã Thạch Đà			4	11		
20	01-P04	TYT xã Tiến Thắng (TTYT huyện Mê Linh)	Xã Tiến Thắng			4	568		
21	01-P07	TYT xã Thanh Lâm (TTYT huyện Mê Linh)	Xã Thanh Lâm			4	186		
22	01-P09	TYT xã Liên Mạc (TTYT huyện Mê Linh)	Xã Liên Mạc			4	148		
XXI	HUYỆN ỨNG HOÀ								
1	01-155	PKĐKKV Đồng Tân (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Đồng Tân, Ứng Hoà	1.000		3	232	768	
2	01-156	PKĐKKV Lưu Hoàng (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Lưu Hoàng, Ứng Hoà	1.000		3	182	818	
3	01-N01	TYT Thị trấn Vân Đình (TTYT h. Ứng Hòa)	Thị trấn Vân Đình			4	1.636		

4	01-N02	TYT Xã Viên An (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Viên An			4	4.166		
5	01-N03	TYT Xã Viên Nội (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Viên Nội			4	2.652		
6	01-N04	TYT Xã Hoa Sơn (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Hoa Sơn			4	4.443		
7	01-N05	TYT Xã Quảng Phú Cầu (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Quảng Phú Cầu			4	5.137		
8	01-N06	TYT Xã Trường Thịnh (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Trường Thịnh			4	3.101		
9	01-N07	TYT Xã Cao Thành (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Cao Thành			4	2.777		
10	01-N08	TYT Xã Liên Bạt (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Liên Bạt			4	3.074		
11	01-N09	TYT Xã Sơn Công (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Sơn Công			4	3.029		
12	01-N10	TYT Xã Đồng Tiến (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Đồng Tiến			4	3.425		

13	01-N11	TYT Xã Phương Tú (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Phương Tú			4	4.194		
14	01-N12	TYT Xã Trung Tú (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Trung Tú			4	3.858		
15	01-N13	TYT Xã Đồng Tân (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Đồng Tân			4	2.658		
16	01-N14	TYT Xã Tảo Dương Văn (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Tảo Dương Văn			4	2.803		
17	01-N15	TYT Xã Vạn Thái (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Vạn Thái			4	1.790		
18	01-N16	TYT Xã Minh Đức (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Minh Đức			4	3.345		
19	01-N17	TYT Xã Hòa Lâm (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Hòa Lâm			4	2.767		
20	01-N18	TYT Xã Hòa Xá (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Hòa Xá			4	2.288		
21	01-N19	TYT Xã Trầm Lộng (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Trầm Lộng			4	2.112		

22	01-N20	TYT Xã Kim Đường (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Kim Đường			4	4.025		
23	01-N21	TYT Xã Hòa Nam (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Hòa Nam			4	4.736		
24	01-N22	TYT Xã Hòa Phú (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Hòa Phú			4	3.052		
25	01-N23	TYT Xã Đội Bình (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Đội Bình			4	3.956		
26	01-N24	TYT Xã Đại Hùng (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Đại Hùng			4	2.917		
27	01-N25	TYT Xã Đông Lỗ (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Đông Lỗ			4	3.190		
28	01-N26	TYT Xã Phù Lưu (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Phù Lưu			4	2.460		
29	01-N27	TYT Xã Đại Cường (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Đại Cường			4	2.342		
30	01-N28	TYT Xã Lưu Hoàng (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Lưu Hoàng			4	2.921		
31	01-N29	TYT Xã Hồng Quang (TTYT h. Ứng Hòa)	Xã Hồng Quang			4	2.889		

XXII	HUYỆN MỸ ĐỨC								
1	01-825	BVĐK huyện Mỹ Đức	Thị trấn Đại Nghĩa	74.500		3	75.004		Qua tai 504
2	01-188	Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức	Xã Phúc Lâm	16.500	Nhận đổi tượng trên 6 tuổi	3	16.281	219	
3	01-169	PKĐKKV An Mỹ (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã An Mỹ	5.000		3	3.974	1.026	
4	01-172	PKĐKKV Hương Sơn (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Hương Sơn	1.000		3	421	579	
5	01-N51	TYT Thị trấn Đại Nghĩa (TTYT h. Mỹ Đức)	Thị trấn Đại Nghĩa			4	290		
6	01-N52	TYT Xã Đồng Tâm (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Đồng Tâm			4	1.832		
7	01-N53	TYT Xã Thượng Lâm (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Thượng Lâm			4	994		
8	01-N54	TYT Xã Tuy Lai (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Tuy Lai			4	2.971		

9	01-N55	TYT Xã Phúc Lâm (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Phúc Lâm			4	1.390		
10	01-N56	TYT Xã Mỹ Thành (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Mỹ Thành			4	591		
11	01-N57	TYT Xã Bột Xuyên (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Bột Xuyên			4	2.822		
12	01-N58	TYT Xã An Mỹ (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã An Mỹ			4	2.043		
13	01-N59	TYT Xã Hồng Sơn (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Hồng Sơn			4	1.364		
14	01-N60	TYT Xã Lê Thanh (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Lê Thanh			4	1.211		
15	01-N61	TYT Xã Xuy Xá (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Xuy Xá			4	1.966		
16	01-N62	TYT Xã Phùng Xá (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Phùng Xá			4	1.931		
17	01-N63	TYT Xã Phù Lưu Tế (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Phù Lưu Tế			4	594		

18	01-N64	TYT Xã Đại Hưng (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Đại Hưng			4	600		
19	01-N65	TYT Xã Vạn Kim (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Vạn Kim			4	1.387		
20	01-N66	TYT Xã Độc Tín (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Độc Tín			4	401		
21	01-N67	TYT Xã Hương Sơn (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Hương Sơn			4	6.149		
22	01-N68	TYT Xã Hùng Tiến (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Hùng Tiến			4	250		
23	01-N69	TYT Xã An Tiến (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã An Tiến			4	1.803		
24	01-N70	TYT Xã Hợp Tiến (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Hợp Tiến			4	387		
25	01-N71	TYT Xã Hợp Thanh (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã Hợp Thanh			4	457		
26	01-N72	TYT Xã An Phú (TTYT h. Mỹ Đức)	Xã An Phú			4	1.280		
XXIII	HUYỆN HOÀI ĐỨC								

1	01-824	BVĐK huyện Hoài Đức	Thị trấn Trôi	124.000		2	126.505		Qua tai 2505
2	01-199	PKĐKKV Ngãi Cầu (TTYT h. Hoài Đức)	Xã An Khánh	11.500		3	13.314		Qua tai 1814
3	01-183	PKĐK Nguyễn Trọng Thọ *	Xã Sơn Đồng	2.500		3	1.916	584	
4	01-J51	TYT Thị trấn Trạm Trôi (TTYT h. Hoài Đức)	Thị trấn Trạm Trôi			4	737		
5	01-J52	TYT Xã Đức Thượng (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Đức Thượng			4	1.635		
6	01-J53	TYT Xã Minh Khai (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Minh Khai			4	803		
7	01-J54	TYT Xã Dương Liễu (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Dương Liễu			4	1.224		
8	01-J55	TYT Xã Di Trạch (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Di Trạch			4	1.090		
9	01-J56	TYT Xã Đức Giang (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Đức Giang			4	798		

10	01-J57	TYT Xã Cát Quế (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Cát Quế			4	1.881		
11	01-J58	TYT Xã Kim Chung (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Kim Chung			4	1.235		
12	01-J59	TYT Xã Yên Sở (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Yên Sở			4	952		
13	01-J60	TYT Xã Sơn Đồng (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Sơn Đồng			4	1.212		
14	01-J61	TYT Xã Vân Canh (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Vân Canh			4	1.542		
15	01-J62	TYT Xã Đắc Sở TTYT h. Hoài Đức)	Xã Đắc Sở			4	427		
16	01-J63	TYT Xã Lại Yên (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Lại Yên			4	673		
17	01-J64	TYT Xã Tiền Yên (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Tiền Yên			4	856		
18	01-J65	TYT Xã Song Phương (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Song Phương			4	1.132		

19	01-J66	TYT Xã An Khánh (TTYT h. Hoài Đức)	Xã An Khánh			4	2.079		
20	01-J67	TYT Xã An Thượng (TTYT h. Hoài Đức)	Xã An Thượng			4	669		
21	01-J68	TYT Xã Vân Côn (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Vân Côn			4	1.346		
22	01-J69	TYT Xã La Phù (TTYT h. Hoài Đức)	Xã La Phù			4	2.747		
23	01-J70	TYT Xã Đông La (TTYT h. Hoài Đức)	Xã Đông La			4	1.307		
XXIV	HUYỆN ĐAN PHƯỢNG								
1	01-820	BVĐK huyện Đan Phượng	Thị trấn Phùng	12.000		2	120.544		Qua tai 108544
2	01-839	PKĐKKV Liên Hồng (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Liên Hồng	3.000		3	2.381	619	
3	01-J01	TYT Thị trấn Phùng (TTYT h. Đan Phượng)	Thị trấn Phùng			4	786		

4	01-J02	TYT Xã Trung Châu (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Trung Châu			4	2.964		
5	01-J03	TYT Xã Thọ An (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Thọ An			4	1.384		
6	01-J04	TYT Xã Thọ Xuân (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Thọ Xuân			4	1.892		
7	01-J05	TYT Xã Hồng Hà (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Hồng Hà			4	3.429		
8	01-J07	TYT Xã Liên Hà (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Liên Hà			4	2.510		
9	01-J08	TYT Xã Hạ Mỗ (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Hạ Mỗ			4	2.827		
10	01-J09	TYT Xã Liên Trung (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Liên Trung			4	1.370		

11	01-J10	TYT Xã Phương Đình (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Phương Đình			4	1.103		
12	01-J11	TYT Xã Thượng Mỗ (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Thượng Mỗ			4	2.394		
13	01-J12	TYT Xã Tân Hội (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Tân Hội			4	3.378		
14	01-J13	TYT Xã Tân Lập (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Tân Lập			4	3.736		
15	01-J14	TYT Xã Đan Phượng (TTYT Đan Phượng)	Xã Đan Phượng			4	778		
16	01-J15	TYT Xã Đông Tháp (TTYT h. Đan Phượng)	Xã Đông Tháp			4	1.580		
17	01-J16	TYT Xã Song Phượng (TTYT Đan Phượng)	Xã Song Phượng			4	779		

XXV	HUYỆN PHÚ XUYÊN							
1	01-821	BVĐK huyện Phú Xuyên	Thị trấn Phú Xuyên	75.000		2	74.550	450
2	01-200	PKĐKKV Tri Thủy (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Tri Thủy	5.000		3	4.251	749
3	01-M51	TYT Thị trấn Phú Minh (TTYT h. Phú Xuyên)	Thị trấn Phú Minh			4	1.426	
4	01-M52	TYT Thị trấn Phú Xuyên (TTYT h. Phú Xuyên)	Thị trấn Phú Xuyên			4	2.764	
5	01-M53	TYT Xã Hồng Minh (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Hồng Minh			4	3.489	
6	01-M54	TYT Xã Phượng Dực (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Phượng Dực			4	2.725	
7	01-M55	TYT Xã Văn Nhân (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Văn Nhân			4	2.541	

8	01-M56	TYT Xã Thụy Phú (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Thụy Phú			4	1.122		
9	01-M57	TYT Xã Tri Trung (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Tri Trung			4	1.782		
10	01-M58	TYT Xã Đại Thắng (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Đại Thắng			4	2.470		
11	01-M59	TYT Xã Phú Túc (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Phú Túc			4	2.547		
12	01-M60	TYT Xã Văn Hoàng (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Văn Hoàng			4	2.693		
13	01-M61	TYT Xã Hồng Thái (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Hồng Thái			4	2.410		
14	01-M62	TYT Xã Hoàng Long (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Hoàng Long			4	2.469		
15	01-M63	TYT Xã Quang Trung (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Quang Trung			4	1.360		

16	01-M64	TYT Xã Nam Phong (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Nam Phong			4	1.639		
17	01-M65	TYT Xã Nam Triều (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Nam Triều			4	2.370		
18	01-M66	TYT Xã Tân Dân (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Tân Dân			4	2.563		
19	01-M67	TYT Xã Sơn Hà (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Sơn Hà			4	1.479		
20	01-M68	TYT Xã Chuyên Mỹ (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Chuyên Mỹ			4	3.300		
21	01-M69	TYT Xã Khai Thái (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Khai Thái			4	2.759		
22	01-M70	TYT Xã Phúc Tiến (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Phúc Tiến			4	3.124		
23	01-M71	TYT Xã Vân Từ (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Vân Từ			4	2.846		

24	01-M73	TYT Xã Đại Xuyên (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Đại Xuyên			4	2.941		
25	01-M74	TYT Xã Phú Yên (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Phú Yên			4	1.642		
26	01-M75	TYT Xã Bạch Hạ (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Bạch Hạ			4	2.777		
27	01-M76	TYT Xã Quang Lãng (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Quang Lãng			4	2.108		
28	01-M77	TYT Xã Châu Can (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Châu Can			4	3.835		
29	01-M78	TYT Xã Minh Tân (TTYT h. Phú Xuyên)	Xã Minh Tân			4	5.667		
XXVI	HUYỆN BA VÌ								
1	01-822	BVĐK huyện Ba Vì	Xã Đồng Thái	135.000		2	135.169		Qua tai 169
2	01-209	PKĐKKV Minh Quang (TTYT h. Ba Vì)	Xã Minh Quang	5.000		3	3.920	1.080	
3	01-210	PKĐKKV Bất Bạt (TTYT h. Ba Vì)	Xã Sơn Đà	2.000		3	1.628	372	

4	01-211	PKĐKKV Tân Lĩnh (TTYT h. Ba Vi)	Xã Tân Lĩnh	10.000		3	8.643	1.357	
5	01-225	PKĐK Quảng Tây*	Thị trấn Tây Đằng	4.000		3	3.765	235	
6	01-I01	TYT Thị trấn Tây Đằng (TTYT h. Ba Vi)	Thị trấn Tây Đằng			4	736		
7	01-I03	TYT Xã Phú Cường (TTYT h. Ba Vi)	Xã Phú Cường			4	1.347		
8	01-I04	TYT Xã Cổ Đô (TTYT h. Ba Vi)	Xã Cổ Đô			4	1.564		
9	01-I05	TYT Xã Tân Hồng (TTYT h. Ba Vi)	Xã Tân Hồng			4	3.240		
10	01-I06	TYT Xã Vạn Thắng (TTYT h. Ba Vi)	Xã Vạn Thắng			4	3.405		
11	01-I07	TYT Xã Châu Sơn (TTYT h. Ba Vi)	Xã Châu Sơn			4	661		
12	01-I08	TYT Xã Phong Vân (TTYT h. Ba Vi)	Xã Phong Vân			4	2.168		

13	01-I09	TYT Xã Phú Đông (TTYT h. Ba Vi)	Xã Phú Đông			4	2.012		
14	01-I10	TYT Xã Phú Phương (TTYT h. Ba Vi)	Xã Phú Phương			4	963		
15	01-I11	TYT Xã Phú Châu (TTYT h. Ba Vi)	Xã Phú Châu			4	1.526		
16	01-I12	TYT Xã Thái Hòa (TTYT h. Ba Vi)	Xã Thái Hòa			4	3.541		
17	01-I13	TYT Xã Đồng Thái (TTYT h. Ba Vi)	Xã Đồng Thái			4	1.176		
18	01-I14	TYT Xã Phú Sơn (TTYT h. Ba Vi)	Xã Phú Sơn			4	2.373		
19	01-I15	TYT Xã Minh Châu (TTYT h. Ba Vi)	Xã Minh Châu			4	3.311		
20	01-I16	TYT Xã Vật Lại (TTYT h. Ba Vi)	Xã Vật Lại			4	2.026		
21	01-I17	TYT Xã Chu Minh (TTYT h. Ba Vi)	Xã Chu Minh			4	1.555		

22	01-I18	TYT Xã Tòng Bạt (TTYT h. Ba Vi)	Xã Tòng Bạt			4	3.047		
23	01-I19	TYT Xã Cẩm Lĩnh (TTYT h. Ba Vi)	Xã Cẩm Lĩnh			4	1.901		
24	01-I20	TYT Xã Sơn Đà (TTYT h. Ba Vi)	Xã Sơn Đà			4	2.060		
25	01-I21	TYT Xã Đông Quang (TTYT h. Ba Vi)	Xã Đông Quang			4	1.044		
26	01-I22	TYT Xã Tiên Phong (TTYT h. Ba Vi)	Xã Tiên Phong			4	1.160		
27	01-I23	TYT Xã Thụy An (TTYT h. Ba Vi)	Xã Thụy An			4	1.903		
28	01-I24	TYT Xã Cam Thượng (TTYT h. Ba Vi)	Xã Cam Thượng			4	3.848		
29	01-I25	TYT Xã Thuận Mỹ (TTYT h. Ba Vi)	Xã Thuận Mỹ			4	1.098		
30	01-I26	TYT Xã Tân Lĩnh (TTYT h. Ba Vi)	Xã Tân Lĩnh			4	1.678		

31	01-I27	TYT Xã Ba Trại (TTYT h. Ba Vi)	Xã Ba Trại			4	3.706		
32	01-I28	TYT Xã Minh Quang (TTYT h. Ba Vi)	Xã Minh Quang			4	1.294		
33	01-I29	TYT Xã Ba Vi (TTYT h. Ba Vi)	Xã Ba Vi			4	1.224		
34	01-I30	TYT Xã Vân Hòa (TTYT h. Ba Vi)	Xã Vân Hòa			4	5.129		
35	01-I31	TYT Xã Yên Bài (TTYT h. Ba Vi)	Xã Yên Bài			4	4.253		
36	01-I32	TYT Xã Khánh Thượng (TTYT h. Ba Vi)	Xã Khánh Thượng			4	3.870		
XXVII	HUYỆN PHÚC THỌ								
1	01-826	BVĐK huyện Phúc Thọ	Thị trấn Phúc Thọ	73.000		3	74.795		Qua tai 1795
2	01-037	PKĐK Ngọc Tảo (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Ngọc Tảo	1.000		3	616	384	

3	01-I51	TYT Thị trấn Phúc Thọ (TTYT h. Phúc Thọ)	Thị trấn Phúc Thọ			4	437		
4	01-I52	TYT Xã Vân Hà (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Vân Hà			4	518		
5	01-I53	TYT Xã Vân Phúc (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Vân Phúc			4	513		
6	01-I54	TYT Xã Vân Nam (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Vân Nam			4	408		
7	01-I55	TYT Xã Xuân Phú (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Xuân Phú			4	690		
8	01-I56	TYT Xã Phương Độ (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Phương Độ			4	267		
9	01-I57	TYT Xã Sen Chiểu (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Sen Chiểu			4	510		
10	01-I58	TYT Xã Cẩm Đình (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Cẩm Đình			4	421		
11	01-I59	TYT Xã Vĩng Xuyên (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Vĩng Xuyên			4	2.545		

12	01-I60	TYT Xã Thọ Lộc (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Thọ Lộc			4	674		
13	01-I61	TYT Xã Long Xuyên (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Long Xuyên			4	809		
14	01-I62	TYT Xã Thượng Cốc (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Thượng Cốc			4	921		
15	01-I63	TYT Xã Hát Môn (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Hát Môn			4	336		
16	01-I64	TYT Xã Tích Giang (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Tích Giang			4	433		
17	01-I65	TYT Xã Thanh Đa (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Thanh Đa			4	315		
18	01-I66	TYT Xã Trạch Mỹ Lộc (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Trạch Mỹ Lộc			4	603		
19	01-I67	TYT Xã Phúc Hòa (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Phúc Hòa			4	708		
20	01-I68	TYT Xã Ngọc Tảo (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Ngọc Tảo			4	361		

21	01-I69	TYT Xã Phụng Thượng (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Phụng Thượng			4	1.023		
22	01-I70	TYT Xã Tam Thuận (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Tam Thuận			4	1.047		
23	01-I71	TYT Xã Tam Hiệp (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Tam Hiệp			4	917		
24	01-I72	TYT Xã Hiệp Thuận (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Hiệp Thuận			4	901		
25	01-I73	TYT Xã Liên Hiệp (TTYT h. Phúc Thọ)	Xã Liên Hiệp			4	1.702		
XXVIII	HUYỆN QUỐC OAI								
1	01-827	BVĐK huyện Quốc Oai	Thị trấn Quốc Oai	70.000		2	55.683	14.317	
2	01-212	PKĐKKV Hoà Thạch (TTYT h. Quốc Oai)	xã Hoà Thạch	3.000		3	2.483	517	
3	01-K01	TYT Thị trấn Quốc Oai (TTYT h. Quốc Oai)	Thị trấn Quốc Oai			4	4.119		

4	01-K02	TYT Xã Sài Sơn (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Sài Sơn			4	7.740		
5	01-K03	TYT Xã Phượng Cách (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Phượng Cách			4	3.293		
6	01-K04	TYT Xã Yên Sơn (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Yên Sơn			4	2.880		
7	01-K05	TYT Xã Ngọc Liệp (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Ngọc Liệp			4	4.780		
8	01-K06	TYT Xã Ngọc Mỹ (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Ngọc Mỹ			4	6.141		
9	01-K07	TYT Xã Liệp Tuyết (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Liệp Tuyết			4	2.593		
10	01-K08	TYT Xã Thạch Thán (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Thạch Thán			4	2.860		
11	01-K09	TYT Xã Đồng Quang (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Đồng Quang			4	6.653		
12	01-K10	TYT Xã Phú Cát (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Phú Cát			4	5.211		

13	01-K11	TYT Xã Tuyết Nghĩa (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Tuyết Nghĩa			4	3.837		
14	01-K12	TYT Xã Nghĩa Hương (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Nghĩa Hương			4	3.547		
15	01-K13	TYT Xã Cộng Hòa (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Cộng Hòa			4	2.621		
16	01-K14	TYT Xã Tân Phú (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Tân Phú			4	2.642		
17	01-K15	TYT Xã Đại Thành (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Đại Thành			4	3.215		
18	01-K16	TYT Xã Phú Mãn (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Phú Mãn			4	940		
19	01-K17	TYT Xã Cán Hữu (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Cán Hữu			4	4.865		
20	01-K18	TYT Xã Tân Hòa (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Tân Hòa			4	3.982		
21	01-K19	TYT Xã Hòa Thạch (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Hòa Thạch			4	4.275		

22	01-K20	TYT Xã Đông Yên (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Đông Yên			4	6.226		
23	01-K21	TYT Xã Đông Xuân (TTYT h. Quốc Oai)	Xã Đông Xuân			4	2.618		
XXIX	HUYỆN THẠCH THẮT								
1	01-828	BVĐK huyện Thạch Thất	Xã Kim Quan	123.100		2	123.544		Qua tai 444
2	01-213	Phòng khám đa khoa Yên Bình	Xã Yên Bình	2.000		3	2.169		Qua tai 169
3	01-K51	TYT Thị trấn Liên Quan (TTYT Thạch Thất)	Thị trấn Liên Quan			4	358		
4	01-K52	TYT Xã Đại Đồng (TTYT h.Thạch Thất)	Xã Đại Đồng			4	388		
5	01-K53	TYT Xã Cẩm Yên (TTYT h.Thạch Thất)	Xã Cẩm Yên			4	584		
6	01-K54	TYT Xã Lại Thượng (TTYT h.Thạch Thất)	Xã Lại Thượng			4	920		

7	01-K55	TYT Xã Phú Kim (TTYT h.Thạch Thất)	Xã Phú Kim			4	169		
8	01-K56	TYT Xã Hương Ngải (TTYT h.Thạch Thất)	Xã Hương Ngải			4	2.339		
9	01-K57	TYT Xã Canh Nậu (TTYT h.Thạch Thất)	Xã Canh Nậu			4	6.846		
10	01-K58	TYT Xã Kim Quan (TTYT h.Thạch Thất)	Xã Kim Quan			4	571		
11	01-K59	TYT Xã Dị Nậu (TTYT h.Thạch Thất)	Xã Dị Nậu			4	503		
12	01-K60	TYT Xã Bình Yên (TTYT h.Thạch Thất)	Xã Bình Yên			4	221		
13	01-K61	TYT Xã Chàng Sơn (TTYT h.Thạch Thất)	Xã Chàng Sơn			4	1.118		

14	01-K62	TYT Xã Thạch Hoà (TTYT h.Thạch Thát)	Xã Thạch Hoà			4	474		
15	01-K63	TYT Xã Cần Kiệm (TTYT h.Thạch Thát)	Xã Cần Kiệm			4	1.010		
16	01-K64	TYT Xã Hữu Bằng (TTYT h.Thạch Thát)	Xã Hữu Bằng			4	185		
17	01-K65	TYT Xã Phùng Xá (TTYT h.Thạch Thát)	Xã Phùng Xá			4	1.273		
18	01-K66	TYT Xã Tân Xã (TTYT h.Thạch Thát)	Xã Tân Xã			4	438		
19	01-K67	TYT Xã Thạch Xá (TTYT h.Thạch Thát)	Xã Thạch Xá			4	478		
20	01-K68	TYT Xã Bình Phú (TTYT h.Thạch Thát)	Xã Bình Phú			4	675		

21	01-K69	TYT Xã Hạ Bằng (TTYT h.Thạch Thất)	Xã Hạ Bằng			4	1.820		
22	01-K70	TYT Xã Đồng Trúc (TTYT h.Thạch Thất)	Xã Đồng Trúc			4	2.584		
23	01-K71	TYT Xã Tiến Xuân (TTYT h.Thạch Thất)	Xã Tiến Xuân			4	3.087		
24	01-K72	TYT Xã Yên Bình (TTYT h.Thạch Thất)	Xã Yên Bình			4	1.721		
25	01-K73	TYT Xã Yên Trung (TTYT h. Thạch Thất)	Xã Yên Trung			4	1.463		
XXX	HUYỆN THANH OAI								
1	01-829	BVĐK huyện Thanh Oai	Thị trấn Kim Bài	118.000		2	117.162	838	
2	01-048	PKĐKKV Dân Hòa (TTYT h. Thanh Oai)	Dân Hòa	2.000		3	789	1.211	

3	01-L51	TYT Thị trấn Kim Bài (TTYT h. Thanh Oai)	Thị trấn Kim Bài			4	245		
4	01-L52	TYT Xã Cự Khê (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Cự Khê			4	469		
5	01-L53	TYT Xã Bích Hòa (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Bích Hòa			4	706		
6	01-L54	TYT Xã Mỹ Hưng (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Mỹ Hưng			4	429		
7	01-L55	TYT Xã Cao Viên (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Cao Viên			4	4.083		
8	01-L56	TYT Xã Bình Minh (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Bình Minh			4	988		
9	01-L57	TYT Xã Tam Hưng (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Tam Hưng			4	1.344		
10	01-L58	TYT Xã Thanh Cao (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Thanh Cao			4	3.146		

11	01-L59	TYT Xã Thanh Thùy (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Thanh Thùy			4	568		
12	01-L60	TYT Xã Thanh Mai (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Thanh Mai			4	350		
13	01-L61	TYT Xã Thanh Văn (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Thanh Văn			4	410		
14	01-L62	TYT Xã Đỗ Động (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Đỗ Động			4	425		
15	01-L63	TYT Xã Kim An (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Kim An			4	189		
16	01-L64	TYT Xã Kim Thư (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Kim Thư			4	1.252		
17	01-L65	TYT Xã Phương Trung (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Phương Trung			4	1.219		
18	01-L66	TYT Xã Tân Ước (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Tân Ước			4	469		

19	01-L68	TYT Xã Liên Châu (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Liên Châu			4	1.285		
20	01-L69	TYT Xã Cao Dương (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Cao Dương			4	1.011		
21	01-L70	TYT Xã Xuân Dương (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Xuân Dương			4	768		
22	01-L71	TYT Xã Hồng Dương (TTYT h. Thanh Oai)	Xã Hồng Dương			4	2.163		
23	01-969	PKĐK Y Dược 198	Thị trấn Kim Bài	300		3	47	253	

Ghi chú:

- Phòng khám đa khoa viết tắt là: PKĐK

- Trung tâm y tế viết tắt là: TTYT

- Trạm y tế viết tắt là : TYT

- Cơ sở KCB BHYT tư nhân: đánh dấu *